

LÝ DUYÊN KHỞI



Hôm nay, như chương trình đã thông báo trước, thay vì trả lời các câu hỏi thì thầy sẽ giảng về “lý Duyên khởi”. Chủ đề này được các Phật tử hỏi khá lâu rồi nhưng do bận nhiều việc. Mặt khác, đây là một chủ đề Phật học thuộc loại khó về phương diện hiểu và thực hành nên thầy đã sắp xếp để hôm nay có thể giảng cho quý Phật tử hiểu. Chủ đề này khi thầy giảng ở đây không phải mục đích là tìm hiểu theo lối nghiên cứu, mà chỉ hướng đến mục đích là làm thế nào cho quý Phật tử hiểu được ý nghĩa cơ bản. Từ đó có thể vận dụng tu học, điều chỉnh đời sống của mình theo hướng loại trừ các ác, bất thiện pháp và tu tập các thiện pháp, điều chỉnh lại hành vi của mình để đời sống của mình an lạc, thanh thoát hơn.

Khi mới vào tu học thầy có đọc một số tài liệu Phật học theo truyền thống Theravāda ghi chép rằng, sau khi đức Phật giác ngộ dưới cây bồ-đề thì bảy tuần lễ tiếp theo Ngài đã trải qua các hoạt động khác nhau. Trong đó, có một tuần lễ đức Phật quán về lý Duyên khởi này. Chuyện kể lại rằng, Ngài đã quán lý Duyên khởi theo hai tiến trình thuận và nghịch, gồm mười

hai duyên, gồm: Thứ nhất là *vô minh*, thứ hai là *hành*, thứ ba là *thức*, thứ tư là *đanh sắc*, thứ năm là *lục nhập*, thứ sáu là *xúc*, thứ bảy là *thọ*, thứ tám là *ái*, thứ chín là *thủ*, thứ mười là *hữu*, thứ mười một là *sanh* và thứ mười hai là *lão tử* rồi kéo theo *sầu, bi, khổ, ưu, não*. Đây chính là toàn bộ các *khổ uẩn* như người ta thường nói.

Trong giai đoạn từ 2004-2008 thầy dạy cho các tăng ni sinh về kinh Trường Bộ, thầy đã đọc bài kinh Đại Duyên và thấy nội dung chính là về lý Duyên khởi, nhưng không phải là mười hai cái duyên như trước kia thầy được biết. Ở đây, nó có một số vấn đề:

- Thứ nhất, có một số duyên mà chúng ta thường hiểu nằm trong Thập nhị nhân duyên như là *vô minh, hành* và *lục nhập* lại không có trong bài kinh này. Mặt khác, bài kinh lại bổ sung thêm một số duyên khác, có thể liệt kê ra gồm: *sau khi có ái rồi sẽ là tầm cầu, có tầm rồi thì có lợi, có lợi rồi thì có quyết định, có quyết định rồi thì có tham dục, có tham dục rồi thì có đam trước, có đam trước rồi có chấp thủ, có chấp thủ rồi có hà tiện, có hà tiện thì có thủ hộ, khi có thủ hộ thì một số ác bất thiện pháp sẽ khởi lên*. Bài kinh được đức Phật thuyết tại xứ Kuru, trú xứ được biết đến nhiều vì đó cũng là nơi bài kinh Đại Niệm Xứ được đức Phật thuyết. Đó chính là lý do thầy nói đến nghiên cứu là phức tạp chứ không phải dễ hiểu.

- Thứ hai, dựa vào lời dạy của đức Phật cho ngài A-Nan ở trong bài kinh này, đó là, hôm ấy ngài A-Nan sau một thời gian suy ngẫm về vấn đề này, cho rằng mình đã hiểu và phát biểu cảm nhận chủ quan là đã thông suốt được lý Duyên khởi. Đức Phật nói rằng: *“Đây không phải là điều đơn giản và dễ hiểu đâu A-Nan. Nếu dễ hiểu thì chúng sanh đã không rối ren như tơ vò và đau khổ phiền não.”*

Như vậy, nội dung buổi giảng hôm nay, thầy không chú trọng đến vấn đề nghiên cứu mà chỉ giải thích tiến trình nhận thức để tu tập. Toàn bộ giáo lý của đức Phật dù dạy bằng hình thức nào thì đều có điểm chung, đó là đưa ra một tiến trình về nhận thức và hoán chuyển, thay đổi nó theo hướng tích cực. Nội dung của lý Duyên khởi cũng vậy.

Theo hiểu biết bình thường như chúng ta hay hiểu về lý Duyên khởi, đó là Thập nhị duyên khởi hoặc Thập nhị nhân duyên. Có nơi gọi là “Mười hai điều kiện” hoặc là “Pháp tùy thuộc phát sinh” tùy theo cách dịch. Các thành tố trong tiến trình này chúng hiện hữu do nương tựa vào nhau. Cái này có thì cái kia sẽ có, cái này mất thì cái kia sẽ mất hoặc ngược lại. Cho nên gọi là “duyên” hay “điều kiện” cũng phải. Thuật ngữ chữ Hán lâu nay sử dụng là “duyên khởi” hoặc “duyên sinh”. “Duyên” chỉ cho điều kiện, cho tính phụ thuộc, tùy thuộc.

Trước tiên, thầy giải thích các ý nghĩa của từ *vô minh*, *hành*, *thức*. Theo sự phân chia mang tính hệ thống của một số nhà biên tập hoặc nhà nghiên cứu Phật học về sau này, người ta chia Thập nhị nhân duyên thành ba phần để phân định về thời gian: *vô minh* và *hành* thuộc về quá khứ; *thức* hay *kiết sinh thức* như là sự kết nối, bắc cầu cho các yếu tố tiếp theo sau thuộc về hiện tại (*lục nhập*, *xúc*, *thọ*, *ái*, *thủ*, *thủ*); *hữu* có chức năng kết nối hiện tại với tương lai; *sinh* và *lão tử* là sự bắt đầu một quá trình khác thuộc tương lai. Còn *sâu bi khổ u ru nào* là các hệ lụy phát sinh khi có tồn tại. Chuỗi tương quan này được kể chung vào cả ba thời, thời nào cũng có cả. Khi phân chia theo hệ thống cả ba thời như vậy thì vấn đề nó khác. Ở đây, như đã nói từ đầu, là thầy phân tích theo tiến trình tu học cho nên sẽ không đi vào phân tích theo tuyến tính thời gian như thế, mà là hiểu rõ nghĩa của tiến trình để mà tu tập.

Ở đây, trong tiến trình tu tập, không nên hiểu *vô minh* theo nghĩa về thời gian, tức là “sự tăm tối trong quá khứ” hoặc là “không hiểu biết trong quá khứ” hay những dạng hiểu khác mà các nhà nghiên cứu thường chia sẻ, nhất là trong các luận thư về sau này. Theo thầy, trong đời sống của chúng ta có những lúc chúng ta *vô minh* nhưng cũng có những lúc chúng ta có *minh*; trong khi tu học chúng ta phải hiểu rõ điều đó. Vậy khi nói *vô minh* là tình trạng chúng ta không sáng

suốt, tinh tảo. Không sáng suốt, tinh tảo thì chúng ta sẽ làm những việc bị cái tâm tối, không hiểu biết đó điều động, sai sử.

Thầy lấy ví dụ, nếu mình tinh tảo và sáng suốt trong đời sống một cách thường xuyên, thì khi mình bị tham sân chi phối, mình có thể nhận ra và dừng lại được. Không bị nó làm chủ nữa, thì như vậy làm gì có *hành*. *Hành* theo nghĩa là một tạo tác có chủ ý, có hướng tâm vào, có để tâm đến tạo thành nghiệp. Và chỉ có nghiệp mới dẫn dắt chúng ta luân hồi sinh tử, vì nó sẽ liên quan đến luật nhân quả trong hành vi tức nghiệp báo. Như vậy ở đây *vô minh* chính là không sáng suốt, không tinh tảo. Nếu có thể mở rộng tính từ của nó thì đó là thiếu hiểu biết. Hiểu biết ở đây là hiểu biết về cái khổ, hiểu biết về Phật học để điều chỉnh lại đời sống của mình.

Tiếp theo là *thức*. *Thức* này còn được diễn giải là “kiết sinh thức”. Nghĩa là câu nói của đời sống quá khứ với hiện tại như cách phân tích về ba thời. Trong tiến trình tu học thì *thức* chính là một trong năm tổ hợp như trong kinh Vô Ngã Tướng thầy đã giải thích, chức năng của nó là *sao, lưu, chuyển giao*. Một hành vi khi đã khởi lên, được tạo tác, đó là một tiến trình của nghiệp. Tiến trình trước sẽ tự động chuyển giao cho tiến trình sau. *Thức* này chính là tên gọi khác của tổ hợp thứ năm trong năm tổ hợp tiến trình sống đó.

Khi đã có *thức* thì tiếp theo đó là *danh sắc*. *Danh sắc* là một từ Phật học để chỉ cho một hiện hữu. Một hiện hữu mang tính chất sống chứ không phải hiện hữu chết. Ví dụ một con người là một hiện hữu, một hiện thể, một tồn tại theo ý nghĩa về triết học. Mặt khác, trong thực tế nó là một chúng sinh đang sống. Tên gọi là “con người”, tên gọi là “động vật” hoặc một dạng sống cao cấp như là chư thiên Dục giới hay là Vô sắc giới,... *Danh* chỉ cho cái phần tâm linh, *năng lực biết*. Và *sắc* chỉ cho phần vật thể, vật lý. Nói theo ngôn ngữ bình dân đó là thể xác và linh hồn.

Trong Phật học *danh sắc* chỉ cho một hiện hữu mang tính hợp thể, ít nhất có hai phần. Đó là phần nhận biết, cái biết, tức là cái *thức*, là cái *tâm* như chúng ta thường gọi. Thứ hai là phần thể xác, phần sinh-vật-lý. Khi *thức* làm công tác chuyển giao theo kiểu ba thời, người ta thường hiểu là kết nối sự sống giữa tiến trình trước và tiến trình sau. Trên mặt tu học thì *thức* này chính là trung gian để chuyển từ tiến trình trước sang tiến trình sau. Còn *danh* và *sắc* chỉ cho một chúng sinh hiện hữu đang sống. Hoặc nói cách khác về mặt tiến trình tu học, đó là một tổng thể của tiến trình thứ hai. Nếu *vô minh* và *hành* được chuyển giao như một tiến trình thứ nhất: do không hiểu biết, không tinh táo sáng suốt chúng ta có các hành vi, hành động tạo nghiệp. Khi tạo nghiệp rồi thì nhất thiết nó sẽ tác động đến tiến trình sinh tử luân

hồi, *danh* và *sắc* là hậu quả từ tiến trình sinh tử của nghiệp và báo dưới dạng một hiện hữu có cái biết. Tức là có tâm thức với thể xác vật chất.

Khi có *danh sắc* (chỉ cho một chúng sinh đang sống) thì sẽ có yếu tố thứ hai là *lục nhập*. Nói rõ hơn, đó là tương quan giữa *danh sắc* này với thế giới phải thông qua các cửa ngõ như thế nào. *Lục nhập* chính là lục căn và lục thức khi tương quan với lục trần. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và đối tượng của chúng. Như khi mắt nhìn thấy đối tượng mà mắt có thể nhìn được, ta gọi là vật thể, hình thể hay gọi là sắc trong lục trần. Thính là âm thanh, là đối tượng của lỗ tai. Lỗ mũi thì ngửi mùi. Lưỡi thì nếm vị này vị kia. Thân thì đụng chạm mới nhận ra sự vật. Ý là năng lực biết đối với đối tượng mà nó tư duy, suy nghĩ hướng đến. Và tương quan giữa lục căn và lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp với nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý) được hình thành khi có sáu cái biết của sáu căn này, sáu giác quan này đối với sáu đối tượng của nó là sáu cảnh trần. Đó là: nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Vì thế khi nói *lục nhập* là nói sự tương tác giữa ba nhóm thành tố: sáu thành tố thuộc về giác quan, sáu thành tố là đối tượng của giác quan, sáu thành tố liên hệ cái biết của giác quan đối với đối tượng. Khi căn tiếp xúc với trần nếu không có cái biết của căn về trần đó chắc chắn nó không tạo thành mối liên hệ.

Ví dụ: mình đi bộ từ điểm A đến điểm B, do tâm mình đang hướng về điểm đến để giải quyết việc gì đó nên trên đường đôi lúc rất nhiều việc xảy ra mà mình chẳng để ý. Khi đến nơi có người hỏi, trên đường có thấy chuyện gì xảy ra không, mình lại trả lời là không thấy. Lý do là vì tâm mình đang bận rộn với cái mục đích đi đến điểm B, cho nên từ A đến B cái biết của mình không hướng đến các đối tượng bên ngoài. Trường hợp này cho thấy, tuy mắt thì mở nhưng mà không thấy, hoặc tai có nhưng mà không nghe, hoặc mũi có nhưng không nhận ra mùi gì hết,... Nói cho dễ hiểu, tức là khi sáu căn sáu trần có mặt đầy đủ nhưng mà cái biết của mình không hướng đến đối tượng cụ thể thì mình sẽ không nhận ra vì không có tương tác của hai bên với nhau.

Sau khi có *lục nhập* rồi tiếp theo là *xúc*. *Xúc* là cái cụ thể hơn về vấn đề này, ở chỗ lục căn tiếp xúc với lục trần. Khi đó không đơn giản là hai bên tiếp xúc mang tính vật lý mà trong cái *xúc* này, nó sẽ là yếu tố kết nối cho một đặc dụng tiếp theo, đó là *thọ*. *Xúc* chính là điểm tương tác giữa hai bên với nhau, giữa căn và trần. Khi mắt chúng ta nhìn thấy đối tượng mà mắt có thể thấy được là hình sắc, khi tai chúng ta nghe tiếng là âm thanh các loại, tức đối tượng của lỗ tai, khi mũi chúng ta ngửi thì đối tượng là các mùi, các hương hoặc là các đối tượng phù hợp, khi lưỡi chúng ta nếm các vị mặn ngọt chua cay, hoặc

thân chúng ta xúc chạm các đối tượng mềm cứng nóng lạnh, cũng như khi ý chúng ta suy nghĩ, tưởng nhớ đến các đối tượng trong tâm,... thì mỗi cái *xúc* như vậy sẽ tạo nên phản ứng trên mặt tâm lý hoặc trên thân thể. Do vậy khi có *xúc* thì lập tức có *thọ*.

Thọ hay *thụ* là do phát âm của từng vùng miền, có nghĩa là cảm giác khi mình tiếp xúc với đối tượng. Cảm giác đó về thân gồm có: 1/ *Khổ thọ* tức là những gì khiến mình khó chịu, khiến mình không thích hoặc làm cho mình bị đau đớn về thể chất, cho nên gọi là khổ về mặt sinh-vật-lý. 2/ *Lạc thọ* là cái gì làm cho mình khoan khoái, dễ chịu, mình thích, mình quyến luyến với nó về thân xác. 3/ *Phi khổ phi lạc thọ* là những tiếp xúc nào với thân thể mà yếu quá nên không ghi nhận được hoặc không tạo được cảm giác là khổ hay lạc.

Còn về mặt tâm lý người ta phân biệt cũng có ba loại, đó là: 1/ *Hỷ* tức là đối tượng khi *xúc* tạo nên cảm nhận dễ chịu, vui sướng, gây ra cảm giác yêu thích. 2/ *Ưu* là đối tượng khi *xúc* khiến lo nghĩ, buồn phiền, bực bội. 3/ *Vô ký* thì đối tượng *xúc* về mặt tâm lý yếu ớt quá cho nên không tạo được ấn tượng trong cảm xúc nên không ghi nhận. Như vậy khi có *xúc*, *thọ* - tức là cảm giác bắt đầu hình thành vấn đề là thích hay không thích, ghét hoặc là dửng dưng,...

Tiếp theo, khi có *thọ* thì một điều kiện nữa sẽ lập tức tiếp nối, đó là *ái*. Thực ra chữ *ái* ở đây không đơn giản chỉ là yêu thích như ý nghĩa bình thường

trong ái dục, luyện ái, mà nó gồm cả ý nghĩa phản diện. Nói đúng hơn là phản ứng trong chuỗi phản ứng này, *ái* hoặc *ố*, một là thích, hai là không thích. Khi mình thích điều A, đối tượng A thì về mặt nào đó, mình sẽ không thích một đối tượng khác không phải là A. Chẳng hạn như có người thích hoa hồng thì chưa chắc người đó thích hoa lan hay hoa huệ. Có người lại thích cả ba thứ đó nhưng chưa chắc đã thích hoa nhạ, hoa vải. Cho nên khi nói về *ái* chỉ là một phương diện của vấn đề, mặt kia của nó là *ố* nữa. Đại khái đó là một phản ứng về mặt tâm lý đối với đối tượng mình thích hay không thích hoặc là mình ghét. Khi có *ái* hoặc *ố* xuất hiện, hình thành nên tiến trình tạo nghiệp. Vì thích hay không thích, ghét hoặc các trạng thái tâm lý khác, đó là một phản ứng về mặt tâm lý thể hiện cảm tình. Cái gì mà mình yêu thích, cái gì mình chủ tâm, cố ý, cái gì mình bị nó lôi cuốn vào và bị động, cái đó chính là đầu mối của tạo nghiệp. Do vậy khi có *ái* cũng có nghĩa là bắt đầu tiến trình tạo nghiệp và khi tạo nghiệp thì sẽ chịu quả báo.

Khi có *ái* thì chắc chắn sẽ có *thủ*. Yêu thích thì người ta muốn bảo vệ nó, muốn ôm giữ nó, muốn gần gũi nó, muốn có nó bên cạnh thường xuyên. *Thủ* mang ý nghĩa như vậy. Và khi có *ái* và *thủ*, tiếp theo là *hữu* sẽ xuất hiện.

Hữu nếu phân tích theo lối thời gian thì nó là cầu nối cho một đời sống khác được xuất hiện, là một

dạng thức khác của *kiết sinh thức* mới, dựa vào ba khoảng thời gian: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nhưng trên mặt tiến trình nhận thức đề tu tập, khi nói đến *hữu* là nói đến nghiệp đã hình thành, quả báo đã trở - **hiện hữu**. Do vậy khi có *hữu* thì tiếp theo đó là *sinh* và *lão, tử* là chắc chắn. *Hữu* như vậy là điều kiện để xuất hiện một tiến trình mới khởi đầu bởi *sinh* và chấm dứt bởi *lão tử*. Một chúng sinh là một hiện hữu ra đời, tồn tại và để rồi phải hoại diệt. Và kèm theo nó là một chuỗi hệ lụy *sâu bi khổ ưu não*, đau khổ, phiền muộn, thống thiết,... tất cả những gì trên đời mà mỗi người trải qua đều phải gánh chịu.

Hiểu qua các thuật ngữ được sử dụng trong các tiến trình này để chúng ta biết rõ hơn về tiến trình tồn tại và hình thành của nghiệp, chịu khổ đau, phiền lụy do tạo nghiệp. Từ đó, chúng ta có thể điều chỉnh hành vi của mình trong đời sống, biết khi nào cần phải dừng lại.

Bây giờ trở lại vấn đề tu tập như thế nào dựa trên tiến trình này?

Mỗi người đang có mặt ở đây đồng nghĩa rằng chúng ta đang tồn tại. Khi tồn tại với các yếu tố mà trong lý Duyên khởi đã đề cập, chẳng hạn như *danh sắc, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh lão tử* thì cái gì đưa đến sinh tử, cái gì đưa đến đau khổ, cái gì đưa đến sanh hữu tương lai? Nếu chọn trong các duyên thì

trọng điểm và yếu tố then chốt chính là *ái*. Điều này phù hợp với các lời dạy của đức Phật về *Bốn Sự Thực liên hệ đến Khổ*. Ái là nguyên nhân chính khiến chúng sinh sinh tử luân hồi. Chúng là tham dục và tham ái dưới nhiều dạng:

- *Tham ái về dục*, ta gọi là tham dục (tức tham ái thuộc cõi Dục). Do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc chạm với đối tượng, ái luyến đối với đối tượng, và hướng về mục đích là thỏa mãn ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thùy.

- *Tham ái về thanh tịnh*, sau khi chán chê tham ái đối với các dục, người ta sẽ tầm cầu thanh tịnh, muốn buông bỏ các đối tượng của Dục ái đi và thâm nhập vào cảnh giới vắng lặng, tồn tại lâu dài. Thiên và các cảnh giới thuộc Sắc giới là mục đích của chúng sinh tham ái thanh tịnh.

- *Tham ái đoạn diệt*, khi đạt được thanh tịnh, thỏa mãn trong thanh tịnh một thời gian thì rút lại một số chúng sinh ở Sắc giới cũng chán cái thanh tịnh và muốn không tồn tại nữa, mà muốn chấm dứt luôn cho nên rơi vào cái gọi là tham ái đoạn diệt. Loại tham ái này thể hiện qua các cõi trời Vô sắc như là Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do đó ta thấy tất cả chúng sanh luân hồi sinh tử, đi tới đi lui cũng trong vòng tròn đó, không thể thoát ra ba loại tham ái này.

Nhưng *ái* do cái gì sinh ra? Để có *ái*, trước đó phải đi kèm các điều kiện làm nền. Ví dụ: chúng ta nên biết hiện hữu đầu tiên chính là *đanh sắc*; từ *đanh sắc* nếu phát triển đầy đủ ra là *lục nhập*. *Lục nhập* là có *xúc*, tức là tương tác giữa các bên với nhau. Khi có *xúc* lập tức có cảm giác tức *thọ*, các loại cảm giác có mặt sẽ sinh ra *ái* hoặc *ố*.

Do vậy, vấn đề mấu chốt của một người tu học là mình phải luôn luôn tỉnh táo, sáng suốt, không để bị *vô minh* chi phối. Khi tỉnh táo sáng suốt, mình sẽ nhận ra khi nào mình tham, khi nào mình sân. Khi nhận ra tham, sân đang chi phối, mình phải từ bỏ nó, không để nó điều động, sai sử thì mình sẽ không tạo nghiệp - tức là không có *hành*, không có *hành* thì sẽ không có *thức*. Khi có hành vi tạo tác, thì nó mới được sao chép, lưu trữ và chuyển giao (*thức*) cho tiến trình sau. Còn một khi mình không tạo thì nó không có dữ liệu để lưu trữ để sao chép hoặc là chuyển giao. Như vậy, bằng cách luôn luôn giữ mình tỉnh táo sáng suốt, hạn chế tối đa không bị các tham dục sai sử thì chúng ta sẽ từ từ bước ra được luân hồi sinh tử và có thể có đời sống ngay hiện tại này lành mạnh, thanh thoát chứ không phải tầm cầu ở một trú xứ xa xôi nào hết! Mấu chốt của sinh tử luân hồi là ở chỗ *thọ*, *ái*. Khi *thọ* tức cảm giác xuất hiện thì lập tức *ái/ố* xuất hiện.

Như thầy nói từ đầu, mục đích của buổi diễn giải, trình bày về lý Duyên khởi hôm nay là để cho

quý Phật tử hiểu qua ý nghĩa một số thuật ngữ Phật học cơ bản và việc ứng dụng hiểu biết ấy vào tu học. Thầy chỉ giảng vấn đề liên hệ bằng tiến trình, dựa trên lý Duyên khởi để tu học như thế nào. Hiện tại quyết định cho tương lai, và hiện tại là diễn trường cho những gì trong quá khứ đã gieo và nay phải gặt. Chỉ cần tâm sáng suốt, tinh táo thường xuyên, không để cho tham sân làm chủ mình, không tạo nên nghiệp mới và bình thản đón nhận quả báo của nghiệp cũ. Hy vọng quý Phật tử sẽ hiểu được ít nhiều về vấn đề này để có thể ứng dụng trong đời sống của mình.

Chương trình Vấn đáp Phật pháp số 27, năm 2019